

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ L  
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 06-7-2020  
V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Chiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Thanh Việt

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Không tham gia

Ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị T, sinh năm 1973

Cư trú: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Thanh N, sinh năm 1967.

Cư trú: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hà Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1998, không có tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân đã trầm trọng không thể hàn

gắn và kéo dài nên bà T yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông N là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị M, sinh năm 1999 và Lê Thành V, sinh ngày 02/02/2006. Sau ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thành V, không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với, Lê Thị M hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Theo bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Thanh N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1998, không có tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn như bà T trình bày. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà T là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị M, sinh năm 1999 và Lê Thành V, sinh ngày 02/02/2006. Sau ly hôn, ông đồng ý giao con chung Lê Thành V cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu. Đối với Lê Thị M, hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông N là vợ chồng, ông N hiện cư trú tại khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị T và ông Lê Thanh N thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Nhận thấy, bà T và ông N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Như vậy, hôn nhân của ông bà đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc đăng ký kết hôn và giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/06/2000 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp tuyên bố không công nhận bà Hà Thị T và ông Lê Thanh N là vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị M, sinh năm 1999 và Lê Thành V, sinh ngày 02/02/2006. Sau ly hôn, bà T và ông N thống nhất giao con chung Lê Thành V cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với Lê Thị M, hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, sự thỏa thuận của ông N và bà T phù hợp với quy định của luật, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Đồng thời, theo Văn bản trình bày ngày 24/6/2020 của em Lê Thành V thể hiện nguyện vọng của em muốn sống với bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với Lê Thị M, hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động, ông bà không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Về cấp dưỡng, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà T là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu ông N cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà T phải tạo điều kiện cho ông N được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông, bà không yêu cầu Tòa án quyết.

- Về án phí: Bà Hà Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lý trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hà Thị T và ông Lê Thanh N là vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Lê Thị M, sinh năm 1999 và Lê Thành V, sinh ngày 02/02/2006.

Bà T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Lê Thành V. Đối với con chung Lê Thị M, hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu.

Bà T phải tạo điều kiện cho ông N được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Hà Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003138, ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà T đã nộp đủ.

Bà Hà Thị T và ông Lê Thanh N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**Hà Thị Chiền**